

Tên: .....

Lớp: S2...

Ngày giao bài: Thứ..., ngày.../....

Ngày nộp bài: Thứ..., ngày.../....

Week: 8

Từ vựng HW: .....



## VOCABULARY REVISION

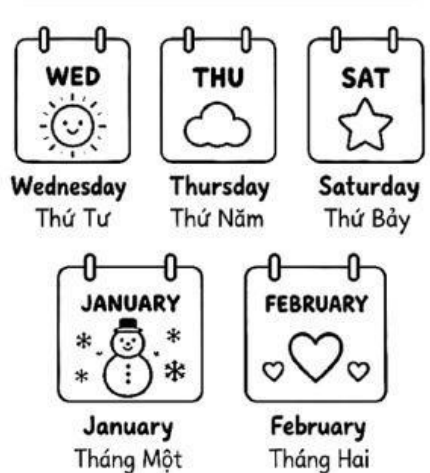
### A. THEORY

Con truy cập link/quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

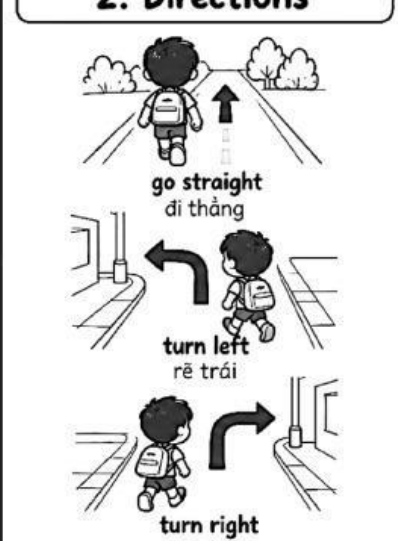
<https://on.soundcloud.com/bT74UXFexxWOQDb7iQ>



### I. VOCABULARY REVISION A

| 1. School objects                                                                                                                                                                                                          | 2. Ordinal numbers                                                                                                                                              | 3. Days and months                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  <p>lunchbox<br/>hộp cơm</p> <p>notebook<br/>vở</p> <p>skipping rope<br/>dây nhảy</p> <p>pencil<br/>bút chì</p> <p>clock<br/>đồng hồ</p> |  <p>second<br/>thứ hai</p> <p>first<br/>thứ nhất</p> <p>third<br/>thứ ba</p> |  <p>WED<br/>Wednesday<br/>Thứ Tư</p> <p>THU<br/>Thursday<br/>Thứ Năm</p> <p>SAT<br/>Saturday<br/>Thứ Bảy</p> <p>JANUARY<br/>January<br/>Tháng Một</p> <p>FEBRUARY<br/>February<br/>Tháng Hai</p> |

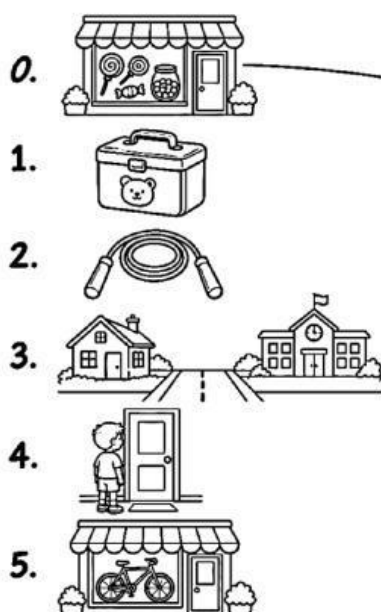
### II. VOCABULARY REVISION B

| 1. Prepositions of place                                                                                                                                                       | 2. Directions                                                                                                                                                                     | 3. Shops                                                                                                                                                                                         |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  <p>opposite<br/>đối diện</p> <p>in front of<br/>ở phía trước</p> <p>between<br/>ở giữa</p> |  <p>go straight<br/>đi thẳng</p> <p>turn left<br/> rẽ trái</p> <p>turn right<br/> rẽ phải</p> |  <p>Sweet Shop<br/>sweet shop<br/>cửa hàng kẹo</p> <p>Bicycle Shop<br/>bicycle shop<br/>cửa hàng xe đạp</p> |

## B. HOMEWORK

### VOCABULARY (20 questions)

#### I. Match the words with the pictures. (Nối tranh với từ.)



A. opposite

B. bicycle shop

C. lunchbox

D. in front of

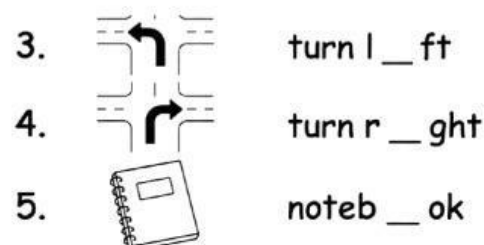
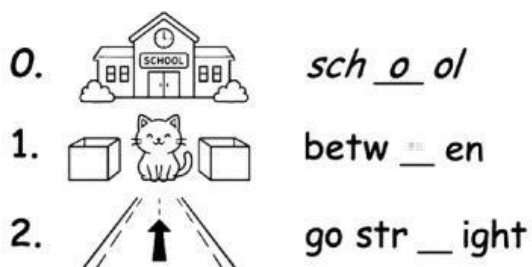
E. sweet shop

F. skipping rope

#### II. Find and circle. (Tìm và khoanh.)



#### III. Complete the words. (Hoàn thành từ.)



IV. Unscramble the letters. (Sắp xếp lại chữ cái thành từ đúng.)

0.  *tac* → *cat*
1.  *r - s - i - f - t* → \_\_\_\_\_
2.  *d - s - e - o - c - n* → \_\_\_\_\_
3.  *d - h - t - i - r* → \_\_\_\_\_
4.  *c - i - l - p - e - n* → \_\_\_\_\_
5.  *k - c - l - o - c* → \_\_\_\_\_

